

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-64 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 22

TRÁI
C
20M

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-64 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Châu	Chủ tịch	
Ông Bùi Tuấn Trung	Ủy viên	(miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 4 năm 2010)
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên	
Ông Mai Việt Sinh	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Nam	Ủy viên	
Ông Huỳnh Đức Thông	Ủy viên	(bỏ nhiệm từ ngày 28 tháng 4 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

200
ÔN
NH
ELC
VIỆT
ĐA

Số: *M6* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"). Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 Công ty có phát sinh khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán lâu ngày với Công ty Derya Ticaret Ltd. là 262.535 Đô la Mỹ. Theo giải thích của Công ty, nguyên nhân phát sinh khoản phải thu khó đòi này là do bộ chứng từ xuất khẩu liên quan tới khoản phải thu Công ty Derya Ticaret Ltd. đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhận nhưng đã làm thất lạc. Công ty cũng đã chiết khấu 70% giá trị bộ chứng từ trên (tương đương khoảng 2.975.000.000 đồng) theo giấy đề nghị chiết khấu ngày 21 tháng 5 năm 2008. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã tiến hành khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và đang chờ phán quyết của tòa án. Do chưa có phán quyết cuối cùng từ phía tòa án nên chúng tôi không thể đánh giá được khả năng thu hồi khoản công nợ nêu trên, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề hạn chế nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0891/KTV

018
G T
H H
TT
VAM
TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/6/2010

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		461.460.317.744	396.617.526.952
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.319.408.548	48.155.154.365
1. Tiền	111		16.319.408.548	41.675.646.945
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.479.507.420
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	17.753.615.100	25.109.061.969
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.009.332.093	28.107.857.782
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.255.716.993)	(2.998.795.813)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.894.236.640	151.965.601.340
1. Phải thu khách hàng	131		205.753.619.171	127.904.258.850
2. Trả trước cho người bán	132		50.752.042.981	15.733.741.719
3. Các khoản phải thu khác	135	6	8.388.574.488	8.327.600.771
IV. Hàng tồn kho	140	7	140.327.756.683	149.412.411.288
1. Hàng tồn kho	141		140.327.756.683	150.329.055.818
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(916.644.530)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.165.300.773	21.975.297.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		704.862.460	198.305.457
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.157.047.337	12.043.665.181
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		44.266.931	419.888.745
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.259.124.045	9.313.438.607
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		122.726.372.414	120.119.917.633
I. Tài sản cố định	220		117.213.872.263	113.751.031.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	105.703.145.130	101.606.904.049
- Nguyên giá	222		115.779.118.612	108.544.180.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.075.973.482)	(6.937.276.582)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	11.216.328.864	10.145.769.334
- Nguyên giá	228		11.359.218.854	10.224.148.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.889.990)	(78.378.993)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	294.398.269	1.998.358.348
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.619.922.558	3.619.922.558
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	3.619.922.558	3.619.922.558
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.892.577.593	2.748.963.344
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.772.477.593	2.628.863.344
2. Tài sản dài hạn khác	268		120.100.000	120.100.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		584.186.690.158	516.737.444.585

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/6/2010

MẪU SỐ B 01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

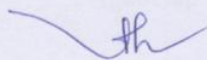
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		355.388.266.180	287.608.234.839
I. Nợ ngắn hạn	310		306.633.190.940	250.601.361.093
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	254.037.443.819	206.796.706.151
2. Phải trả người bán	312		20.871.160.264	24.475.915.865
3. Người mua trả tiền trước	313		12.568.325.301	10.339.522.601
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.336.508.191	1.837.309.147
5. Phải trả người lao động	315		364.316.330	2.904.132.558
6. Chi phí phải trả	316		332.018.274	1.201.723.434
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	11.860.515.769	2.466.854.752
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.262.902.992	579.196.585
II. Nợ dài hạn	330		48.755.075.240	37.006.873.746
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	48.429.815.608	36.968.193.098
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		263.281.802	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		61.977.830	38.680.648
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		228.798.423.978	229.129.209.746
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	228.798.423.978	229.129.209.746
1. Vốn điều lệ	411		118.104.710.000	107.431.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.313.588.169	79.266.897.909
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.784.261.804)	(2.089.741.544)
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(101.359.337)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.340.056.655	17.340.056.655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.346.611.778	5.346.611.778
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.579.078.517	21.833.464.948
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		584.186.690.158	516.737.444.585

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Hằng

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thăng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

MẪU SỐ B 02a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	801.210.648.499	469.785.894.064
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	(3.423.394.388)	(4.578.977.316)
3. Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		797.787.254.111	465.206.916.748
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	19	748.803.664.791	452.769.250.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.983.589.320	12.437.665.945
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	10.945.319.843	18.780.743.401
7. Chi phí tài chính	22	21	19.973.937.707	8.243.392.176
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.347.322.837	3.856.424.185
8. Chi phí bán hàng	24		16.299.033.843	12.867.242.685
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.698.006.501	5.052.422.831
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		13.957.931.112	5.055.351.654
11. Thu nhập khác	31		725.485.492	580.648.412
12. Chi phí khác	32		83.117.566	115.177.642
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40=31-32)	40		642.367.926	465.470.770
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.600.299.038	5.520.822.424
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.244.173.668	656.384.443
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		263.281.802	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.092.843.568	4.864.437.981
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	945	462

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Trần Thị Hằng

Lê Thúy Đào

Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.600.299.038
2. Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	3.203.207.897
Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03	(1.659.723.350)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.137.613.248)
Chi phí lãi vay	06	15.347.322.837
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.353.493.174
(Tăng) các khoản phải thu	09	(114.186.124.763)
Giảm hàng tồn kho	10	10.130.191.553
(Giảm) các khoản phải trả	11	(5.368.151.250)
Giảm chi phí trả trước và khác	12	349.828.748
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.347.322.837)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(704.708.448)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.533.428.106
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.503.770.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(86.743.136.571)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(12.578.200.172)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.934.643.787)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	36.225.765.306
4. Tiền lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	2.945.017.418
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.342.061.235)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	581.202.566.481
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(523.953.114.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	57.249.451.989
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(31.835.745.817)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	48.155.154.365
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	16.319.408.548

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hằng

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 lần đầu vào ngày 01 tháng 10 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51,7% vốn điều lệ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 số 3700891170 ngày 24 tháng 11 năm 2009), địa chỉ: Ấp 1A, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09 tháng 10 năm 2007), địa chỉ: Số 1, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; và
- Công ty TNHH một thành viên Sơn Petrolimex (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391013 ngày 25 tháng 9 năm 2009), địa chỉ: phòng 908 tầng 9, Cao ốc Center Point, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

Số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 155 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 136 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công chế biến tại trụ sở);
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Sản xuất, mua bán các loại thẻ từ, vi mạch, thẻ điện thoại (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sơn và nguyên liệu, sản phẩm ngành sản xuất sơn (không sản xuất tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính riêng của Công ty (công ty mẹ) và các báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm quản lý. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Các phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 - 5 năm.

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán, lãi trả chậm, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận cổ tức hoặc có quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Chênh lệch tỷ giá được xử lý như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Được sự chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20 tháng 02 năm 2009, Tổng Công ty Xăng dầu Petrolimex đã ban hành Quyết định số 256/XD-HDQT ngày 04 tháng 5 năm 2009 về việc ban hành Chế độ hạch toán tỷ giá hối đoái. Theo đó, số dư các của các khoản mục tiền tệ có nguồn gốc ngoại tệ cuối kỳ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm khóa sổ kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu, phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 sẽ tăng 101.359.337 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuận. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	316.072.295	81.024.265
Tiền gửi ngân hàng	16.003.336.253	41.594.622.680
Các khoản tương đương tiền	-	6.479.507.420
	16.319.408.548	48.155.154.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (1)	15.226.132.093	20.084.657.782
Đầu tư ngắn hạn khác (2)	4.783.200.000	8.023.200.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.255.716.993)	(2.998.795.813)
	<u>17.753.615.100</u>	<u>25.109.061.969</u>

(1) Bao gồm các chứng khoán sau:

Chứng khoán	30/6/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty CP Âu Lạc	13.000	410.000.000	13.000	410.000.000
Công ty CP Khoáng Sản và Xây dựng Bình Dương	-	-	40.000	2.400.000.000
Công ty CP Khoáng Sản và Kim loại màu Nghệ Tĩnh	225.000	2.705.000.000	225.000	2.705.000.000
Ngân hàng Á Châu ACB	-	-	128.649	6.017.523.920
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	40.000	1.658.484.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	20.000	755.508.000
Công ty CP Thủy Điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	50.500	1.164.324.000	150.500	3.299.070.000
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí (DPM)	73.790	2.774.605.598	113.150	4.497.555.862
Công ty CP Chứng khoán Kim Long (KLS)	35.000	917.874.750	-	-
Công ty CP Hóa dầu Petrolimex (PLC)	4.000	258.887.750	-	-
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)	5.000	295.442.500	-	-
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	5.000	413.118.750	-	-
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	45.130	2.469.128.145	-	-
Công ty Cổ phần Hưng Phát (VPH)	10.000	466.699.000	-	-
Công ty CP Tập đoàn Dầu khí An Pha (APS)	30.000	596.894.000	-	-
Công ty CP Tập đoàn Thép Tiến Lên (TLH)	9.000	265.995.600	-	-
Công ty CP Chứng khoán SME (SME)	1.000	26.078.000	-	-
Công ty CP Hùng Vương	6.000	249.600.000	-	-
Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	9.000	554.000.000	-	-
		<u>15.226.132.093</u>		<u>20.084.657.782</u>

(2) Là số tiền trả theo tiến độ hợp đồng khi thực hiện mua bất động sản. Cụ thể:

Bất động sản	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Nền nhà G12 dự án Công ty Thái Sơn	3.435.000.000	3.435.000.000
Quyền mua nền C51 Dự án Tân An Huy	-	3.240.000.000
Nền nhà A2-47 Dự án Phú Xuân Công ty Vạn Phát Hưng	1.348.200.000	1.348.200.000
	<u>4.783.200.000</u>	<u>8.023.200.000</u>

Các khoản đầu tư vào bất động sản này là các khoản đầu tư quyền mua các căn hộ, đất nền tại các dự án và Công ty có dự định bán trong tương lai gần. Do vậy, Ban Giám đốc quyết định trình bày vào khoản mục các khoản đầu tư ngắn hạn để phản ánh đúng bản chất của nghiệp vụ đầu tư thay vì phản ánh vào khoản mục bất động sản đầu tư. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, do không xác định được giá tham khảo một cách đáng tin cậy nên Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng (1)	3.748.676.311	5.552.418.096
Phải thu người lao động về khoản vay của Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình	-	1.748.484.000
Phải thu khác	4.639.898.177	1.026.698.675
	8.388.574.488	8.327.600.771

(1) Là các khoản lãi phải thu do khách hàng thanh toán tiền hàng không đúng với tiến độ theo quy định trong hợp đồng, cụ thể:

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tên khách hàng		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hiệp Chân Thành	-	493.735.283
Công ty TNHH Bình An	2.352.783.525	3.662.790.027
Công ty TNHH Điện tử điện Lạnh Bình Minh	1.395.892.786	1.395.892.786
	3.748.676.311	5.552.418.096

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.688.597.589	5.790.045.225
Công cụ, dụng cụ	-	184.831.969
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	628.132.783	512.084.145
Thành phẩm	2.004.203.778	21.424.038
Hàng hóa	131.006.822.533	143.820.670.441
Tổng cộng	140.327.756.683	150.329.055.818
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(916.644.530)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	140.327.756.683	149.412.411.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	33.947.197.993	67.372.559.748	4.757.670.570	2.466.752.320	108.544.180.631
Tăng trong kỳ	475.390.782	4.490.508.435	2.022.889.212	548.541.859	7.537.330.288
Mua trong kỳ	-	21.990.909	784.793.974	143.779.954	950.564.837
Đầu tư XDCB hoàn thành	475.390.782	4.468.517.526	1.238.095.238	404.761.905	6.586.765.451
Giảm trong kỳ	-	-	-	302.392.307	302.392.307
Giảm khác	-	-	-	302.392.307	302.392.307
Tại ngày 30/6/2010	34.422.588.775	71.863.068.183	6.780.559.782	2.712.901.872	115.779.118.612
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	2.873.357.615	805.087.229	1.946.385.219	1.312.446.519	6.937.276.582
Tăng trong kỳ	889.865.933	1.892.943.990	209.311.313	146.575.664	3.138.696.900
Trích khấu hao trong kỳ	889.865.933	1.892.943.990	209.311.313	146.575.664	3.138.696.900
Tại ngày 30/6/2010	3.763.223.548	2.698.031.219	2.155.696.532	1.459.022.183	10.075.973.482
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2010	30.659.365.227	69.165.036.964	4.624.863.250	1.253.879.689	105.703.145.130
Tại ngày 31/12/2009	31.073.840.378	66.567.472.519	2.811.285.351	1.154.305.801	101.606.904.049

Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là: 2.140.621.333 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 1.966.078.492 đồng)

Toàn bộ giá trị Nhà máy son được dùng để thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 4 tháng 3 năm 2009 cho Hợp đồng vay dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 4 tháng 3 năm 2009 với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 khoảng 96,8 tỷ đồng.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	10.113.130.827	111.017.500	10.224.148.327
Mua trong kỳ	1.135.070.527	-	1.135.070.527
Tại ngày 30/6/2010	11.248.201.354	111.017.500	11.359.218.854
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	78.378.993	78.378.993
Trích khấu hao kỳ	54.489.018	10.021.979	64.510.997
Tại ngày 30/6/2010	54.489.018	88.400.972	142.889.990
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2010	11.193.712.336	22.616.528	11.216.328.864
Tại ngày 31/12/2009	10.113.130.827	32.638.507	10.145.769.334

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 746 An Phú - Thuận An - Bình Dương có nguyên giá là 5.011.004.487 đồng đã được thế chấp tại Ngân hàng PG Bank vào ngày 15 tháng 5 năm 2009 để vay vốn với hạn mức tín dụng là 3,5 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0508.SG/HDTDHM/PGB ngày 13 tháng 5 năm 2009. Thời hạn thế chấp là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng thế chấp.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy Sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² có giá trị định giá là 26.856.876.218 đồng được thế chấp cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 4 tháng 3 năm 2009, Hợp đồng vay vốn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 4 tháng 3 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2010 đến ngày 30/6/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công trình Nhà máy sơn Petrolimex	-	1.806.644.746
Dự án nhà máy Hóa nhựa	191.713.602	191.713.602
Bản quyền phần mềm Microsoft office 2007	102.684.667	-
	294.398.269	1.998.358.348

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

Tên Công ty con	Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2010	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2009
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	100.000.000.000	44.821.936.816
	130.000.000.000	74.821.936.816

Báo cáo tài chính của các công ty con trên được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Chi tiết thông tin về các công ty con này của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương	Bình Dương	100%	Kinh doanh XNK hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ; Hàng tiêu dùng (hàng công nghệ thực phẩm, thực phẩm công nghệ), máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất gia công, chế biến, XNK khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công, chế biến tại, trụ sở)...
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh các mặt hàng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty CP Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	3.619.922.558
	<u>3.619.922.558</u>	<u>3.619.922.558</u>

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai với 3.619.922.558 đồng (tương đương với 146.836 cổ phần), chiếm tỷ lệ 10,88% vốn điều lệ. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng khoản đầu tư này và không thấy có dấu hiệu giảm giá, do vậy Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn này.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	254.037.443.819	206.796.706.151
	<u>254.037.443.819</u>	<u>206.796.706.151</u>

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

	<u>30/6/2010</u>	<u>Phương thức</u>
	VND	đảm bảo
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex</i>		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	28.452.880.658	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	33.068.027.108	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu	50.178.960.964	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	45.571.281.369	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	52.166.569.615	Tín chấp
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội</i>		
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	4.026.352.605	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội	900.000.000	Tín chấp
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương</i>		
Ngân hàng TMCP Quân đội	2.975.000.000	Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu (*)
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sơn Petrolimex</i>		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	36.698.371.500	Tín chấp
	<u>254.037.443.819</u>	

(*) Đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên Công ty chưa thanh toán cho Ngân hàng do Ngân hàng đã làm mất bộ chứng từ xuất khẩu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	102.858.645	2.649.418
Thuế xuất nhập khẩu	354.244.986	818.585.398
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.286.527.348	831.873.748
Thuế thu nhập cá nhân	21.809.092	120.489.258
Các loại thuế khác	1.571.068.120	63.711.325
	5.336.508.191	1.837.309.147

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	70.901.622	58.440.136
Kinh phí công đoàn	160.184.955	191.855.646
Phải trả các khoản vay hộ cán bộ công nhân viên	-	1.579.940.792
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	10.672.790.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	956.639.192	636.618.178
	11.860.515.769	2.466.854.752

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	48.429.815.608	36.968.193.098
	48.429.815.608	36.968.193.098

Vay dài hạn theo Hợp đồng vay vốn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04 tháng 3 năm 2009 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng, lãi suất 6,5%/năm, mục đích vay là để đầu tư dự án. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Thời gian ân hạn nợ gốc là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản hình thành trong tương lai của nhà Nhà máy sơn Petrolimex có giá trị định giá tạm thời là 61.053.829.200 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 4 tháng 3 năm 2009;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² có giá trị định giá là 26.856.876.218 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04 tháng 3 năm 2009.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	107.431.920.000	79.266.897.909	-	(2.089.741.544)	7.966.476.132	3.346.611.778	35.450.274.658	231.372.438.933
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	13.019.691.075	13.019.691.075
Phân phối quỹ	-	-	-	-	9.373.580.523	2.000.000.000	(12.373.580.523)	(1.000.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.720.467.738	1.720.467.738
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.983.388.000)	(15.983.388.000)
Tại ngày 31/12/2009	107.431.920.000	79.266.897.909	-	(2.089.741.544)	17.340.056.655	5.346.611.778	21.833.464.948	229.129.209.746
Tăng vốn	10.672.790.000	-	-	-	-	-	-	10.672.790.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	11.092.843.568	11.092.843.568
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	2.000.000.000	(3.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tăng khác	-	46.690.260	-	-	-	-	-	46.690.260
Trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	(21.345.580.000)	(21.345.580.000)
Giảm khác	-	-	(101.359.337)	305.479.740	-	-	(1.649.999)	202.470.404
Tại ngày 30/6/2010	118.104.710.000	79.313.588.169	(101.359.337)	(1.784.261.804)	17.340.056.655	7.346.611.778	8.579.078.517	228.798.423.978

Chi tiết vốn điều lệ như sau:

	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến ngày 30/6/2010		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	6.109.290	51,73%	61.092.900.000	6.109.290	51,73%	61.092.900.000
Các cổ đông khác	5.701.181	48,27%	57.011.810.000	5.701.181	48,27%	57.011.810.000
	11.810.471		118.104.710.000	11.810.471		118.104.710.000

Cổ tức:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 07/2010/NQ-ĐHCD ngày 28/04/2010, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 cho các cổ đông là 10%/cổ phần với số tiền 10.672.790.000 đồng, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:10 với số tiền 10.672.790.000 đồng và trích lập Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 2.000.000.000 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

		30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	Cổ phần	11.810.471	10.743.192
Cổ phiếu phổ thông		11.810.471	10.743.192
Số lượng cổ phiếu được mua lại	Cổ phần	70.400	87.600
Cổ phiếu phổ thông		70.400	87.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	11.740.071	10.655.592
Cổ phiếu phổ thông		11.740.071	10.655.592
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	801.210.648.499	469.785.894.064
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.423.394.388)	(4.578.977.316)
Doanh thu thuần về bán hàng	797.787.254.111	465.206.916.748

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	749.720.309.321	456.390.205.994
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(916.644.530)	(3.620.955.191)
	748.803.664.791	452.769.250.803

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.917.429.127	245.999.005
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.501.654.549	11.617.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	415.973.700	176.311.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.628.829.598	12.399.821.536
Lãi bán hàng trả chậm	3.274.036.128	5.545.444.660
Thu về hoạt động đầu tư BĐS	204.000.000	401.550.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.396.741	-
	10.945.319.843	18.780.743.401

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 VND
Chi phí lãi vay	15.347.322.837	3.856.424.185
Chiết khấu thanh toán	1.521.320.922	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.694.699.771	1.663.601.866
(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	(743.078.820)	(2.875.372.522)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.153.672.997	4.683.182.529
Chi phí trả chậm	-	135.755.208
Chi về hoạt động đầu tư BĐS	-	779.800.910
	19.973.937.707	8.243.392.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Đơn vị tính	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010		Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009	
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	11.092.843.568		4.864.437.981
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phần	11.740.071		10.534.218
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phần	945		462

23. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có phát sinh khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán đối với Công ty Derya Ticaret Ltd là 262.535 Đô la Mỹ và Ban Giám đốc quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này. Nguyên nhân phát sinh khoản phải thu khó đòi này là do bộ chứng từ xuất khẩu liên quan tới khoản phải thu Công ty Derya Ticaret Ltd. đã được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhận nhưng đã làm thất lạc. Công ty cũng đã chiết khấu 70% giá trị bộ chứng từ trên (tương đương khoản 2.975.000.000 đồng) theo giấy đề nghị chiết khấu ngày 21 tháng 5 năm 2008. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã tiến hành khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và đang chờ phán quyết của tòa án. Do vậy, Ban Giám đốc Công ty quyết định chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản phải thu khó đòi này vào báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010		Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009	
			VND		VND
Mua hàng					
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	Thành viên của Petrolimex		-		8.801.062.560
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Thành viên của Petrolimex		41.828.552.806		6.990.344.015
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex		29.003.056.198		7.507.866.082

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

Mối quan hệ	30/6/2010		31/12/2009	
		VND		VND
Công nợ phải trả				
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Thành viên của Petrolimex		10.824.038.236	7.143.941.464
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex		1.863.833.600	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 đã được soát xét. Không có số liệu so sánh của báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất do báo cáo giữa niên độ năm trước Công ty lập theo phương pháp trực tiếp.